

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
KSH DEVELOPMENT AND INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 21/2018/KSH/CV
V/v: CBTT Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1
năm 2018 chưa kiểm toán

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2018
Ha Noi, day 27 month 04 year 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: KSH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 3, Số nhà 348, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân,
Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
- Điện thoại/ *Telephone*: 024 3936 4695
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Đức Thắng
Chức vụ/ *Position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Information disclosure type: ☒ *Periodic* ☐ *Irregular* ☐ *24 hours* ☐ *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2018 chưa kiểm toán.

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

.....



Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 27/04/2018 tại đường dẫn: <http://ksh.com.vn/>

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 27/04/2018 Available at: <http://ksh.com.vn/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT /
Documents related to the disclosure

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Đức Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

QUÝ I - NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

QUÝ I - NĂM 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		363,103,953,089	297,282,308,660
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		661,620,943	727,917,847
1 Tiền	111	V01	661,620,943	727,917,847
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V02	-	-
1 Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		251,756,661,771	167,679,835,809
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V03	223,363,796,703	126,524,258,412
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15,121,000,000	24,121,000,000
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		13,000,000,000	13,000,000,000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V04	271,865,068	4,034,577,397
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		110,250,512,837	126,573,548,117
1 Hàng tồn kho	141	V04	110,250,512,837	126,573,548,117
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		435,157,538	2,301,006,887
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20,670,000	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		414,487,538	2,301,006,887
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V05	-	-
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		481,349,759,863	482,177,894,427
I Các khoản phải thu dài hạn	210		70,214,777,000	70,214,777,000
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4 Phải thu nội bộ dài hạn	214	V06	-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
4 Phải thu dài hạn khác	216	V07	70,214,777,000	70,214,777,000
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II Tài sản cố định	220		49,354,061,295	50,410,711,357
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V08	49,354,061,295	50,410,711,357
- Nguyên giá	222		54,822,050,303	54,822,050,303
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5,467,989,008)	(4,411,338,946)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V10	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III Bất động sản đầu tư	230	V12	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V12	1,249,748,750	1,249,748,750
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,249,748,750	1,249,748,750
V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V13	360,516,332,886	360,282,946,239
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		360,336,362,886	360,102,976,239
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		179,970,000	179,970,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		14,839,932	19,711,081
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V14	14,839,932	19,711,081
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V21	-	-
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5 Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		844,453,712,952	779,460,203,087

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A NỢ PHẢI TRẢ	300		185,945,418,425	122,018,304,046
I Nợ ngắn hạn	310		185,945,418,425	122,018,304,046
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V15	114,255,244,686	48,314,297,856
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1,800,000,000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V16	6,477,204,247	6,414,174,612
4 Phải trả người lao động	314		34,312,688	-
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V17	272,000,000	272,000,000
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác	319		47,775,580	7,831,578
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		64,858,881,224	65,210,000,000
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13 Quỹ Bình ổn giá	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II Nợ dài hạn	330		-	-
1 Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4 Phải trả dài hạn về vốn kinh doanh	334	V19	-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V20	-	-
9 Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V21	-	-
12 Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		658,508,294,527	657,441,899,041
I Vốn chủ sở hữu	410	V22	658,508,294,527	657,441,899,041
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		575,096,750,000	575,096,750,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575,096,750,000	575,096,750,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-

6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17,753,277,920	16,778,889,689
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		16,778,889,689	13,866,060,650
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		974,388,231	2,912,829,039
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		65,658,266,607	65,566,259,352
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432	V23	-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		844,453,712,952	779,460,203,087

Lào Cai, ngày 25 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Hương Ly



Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Đức Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến 31 tháng 03 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	115,043,682,446	3,545,454,546
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	115,043,682,446	3,545,454,546
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	108,821,554,271	3,474,545,453
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,222,128,175	70,909,093
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	176,952,805	123,298,058
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	1,014,896,966	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,014,896,966	-
14. Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		233,386,647	-
8. Chi phí bán hàng	25		3,948,919,511	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		539,226,029	253,046,755
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,129,425,121	(58,839,604)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,129,425,121	(58,839,604)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	63,029,635	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1,066,395,486	(58,839,604)
19.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			92,007,255	-
19.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			974,388,231	(58,839,604)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Lào Cai, ngày 25 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến 31 tháng 03 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1,129,425,121	(58,839,604)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,056,650,062	3,462,030
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(233,386,647)	-
- Chi phí lãi vay	06	1,014,896,966	
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2,967,585,502	(55,377,574)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(82,190,306,613)	(1,623,287,671)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16,323,035,280	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	64,215,203,520	17,298,997
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(15,798,851)	61,925,301
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1,014,896,966)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	284,821,872	(1,599,440,947)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác do hợp nhất	21	-	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	10,387
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	

2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	19,127,000,000	1,900,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(19,478,118,776)	(500,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(351,118,776)	1,400,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(66,296,904)	(199,430,560)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	727,917,847	587,989,455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	661,620,943	388,558,895

Lào Cai, ngày 25 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Hương Ly



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Đức Thắng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty và công ty con trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 là buôn bán bao PP, sản lát khô và quặng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty kéo dài không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/03/2018	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối kỳ	Đầu năm
1. Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Huy Hoàng	Số nhà 348, đường Nhạc Sơn, tổ 29, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	75,00%	75,00%	75,00%
2. Công ty CP Đầu tư Tài nguyên Sa Pa	Số nhà 58, tổ 7, phố Cầu Mây, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.	93,33%	93,33%	93,33%
3. Công ty TNHH Đầu tư Tam Nguyên	Số nhà 002, đường Thanh Niên, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	71,07%	71,07%	71,07%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày 31/03/2018	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày 31/03/2018
1. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng	Tầng 1, số nhà 257, đường Minh Khai, Phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	42,29%	43,82%
2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy	Số nhà 428, đường Khánh Yên, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	44,49%	44,49%
3. Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai	Số nhà 348, đường Nhạc Sơn, tổ 29, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	27,78%	27,78%

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2017.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế:

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	639.234.752	697.519.549
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.386.191	30.398.298
Cộng	661.620.943	727.917.847

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)**02. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			359.000.000.000	-	359.000.000.000			359.000.000.000	-	360.102.976.239
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng	42,29	43,82	179.000.000.000	-	179.000.000.000	42,29	43,82	179.000.000.000	-	179.994.056.642
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy	44,49	44,49	130.000.000.000	-	130.000.000.000	44,49	44,49	130.000.000.000	-	130.212.223.162
+ Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai (a)	27,78	27,78	50.000.000.000	-	50.000.000.000	27,78	27,78	50.000.000.000	-	50.000.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác			179.970.000	-	179.970.000			179.970.000	-	179.970.000
+ Công ty CP Khoáng sản Lào Cai	0,28	0,28	179.970.000	-	179.970.000	0,28	0,28	179.970.000	-	179.970.000

(a) Công ty mua 5.000.000 cổ phần Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai với giá 10.000 đồng/cổ phiếu được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 20/6/2016. Tại ngày 31/03/2018, Công ty nắm giữ 5.000.000 cổ phần, mệnh giá chiếm 27,78% vốn điều lệ của Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai.

(*): Giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	223.363.796.703	126.524.258.41
- Công ty CP TM Đông Đô Việt	33.155.100.000	21.344.600.000
- Công ty CP khai thác và chế biến khoáng sản Toàn Thắng		14.385.000.000
- Công ty TNHH MTV kinh doanh XNK Việt Tú		2.658.000.000
- Công ty TNHH Nông Lâm Sản Hà Giang		3.574.800.000
- Công ty CP đầu tư Hano Green	5.270.830.750	5.270.830.750
- Công ty CP Nông sản Thiên nhiên VN		3.425.989.000
- Công ty TNHH Toàn Thắng	12.111.032.264	12.129.032.264
- Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung	58.994.258.020	20.774.900.221
- Công ty CP khoáng sản Lào Cai	4.069.271.919	2.272.697.177
- Công ty CP đồng Lào Cai	40.235.732.000	40.235.732.000
- Công ty CP phân lân Nung chảy Lào Cai	10.412.455.750	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	59.115.116.000	452.677.000
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	223.363.796.703	126.524.258.41

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.121.000.000	24.121.000.000
- Hợp tác xã Na Lang	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hà Trung	-	9.000.000.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	5.121.000.000	5.121.000.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	15.121.000.000	24.121.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Lào Cai ^(a)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Trung Hiếu ^(b)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Cộng	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-

^(a) Khoản cho Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Lào Cai vay theo Hợp đồng cho vay ngày 30/9/2016, số tiền cho vay là 10.000.000.000, lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 01 năm. Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Lào Cai sử dụng vốn vay để đầu tư vào dự án Nhà máy phân lân nung chảy công suất 100.000 tấn/năm.

^(b) Khoản cho Ông Nguyễn Trung Hiếu vay theo Hợp đồng ngày 25 tháng 6 năm 2017. Thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất vay 7%/năm.

06. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	271.865.068	-	4.034.577.397	-
- Tạm ứng	-	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	3.908.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
+ Lãi tiền vay của Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Lào Cai	271.865.068	-	126.577.397	-
+ Phải thu khác	-	-	-	-
b. Dài hạn	70.214.777.000	-	70.214.777.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	214.777.000	-	214.777.000	-
- Phải thu khác	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
+ Công ty CP Khoáng sản Toàn Thắng (*)	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Cộng	70.486.642.068	-	74.249.354.397	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*): Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/HDHTKD/KSTT-SAPA ngày 15/05/2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Sa Pa (Công ty con) và Công ty Cổ phần Khoáng sản Toàn Thắng về việc góp vốn cùng đầu tư vào dự án "Khu nhà hàng sinh thái và quần thể vui chơi giải trí hồ Nà Cồ, Huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai (chủ đầu tư của dự án là Công ty TNHH MTV kinh doanh XNK Việt Tú), trong đó, công ty Toàn Thắng góp 10.000.000.000 đồng và công ty Sa Pa góp 70.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Sa Pa được hưởng lợi nhuận từ dự án là 45% theo quyết toán từ Dự án và cuối mỗi năm tài chính.

Thời hạn hợp tác bắt đầu từ ngày 15/05/2017 đến hết thời hạn sử dụng đất của dự án nếu như dự án không gia hạn thêm thời gian thuê đất hoặc thời gian lâu hơn nếu dự án tiếp tục được gia hạn thời gian sử dụng đất. Thời gian sử dụng đất của dự án được xác định sau khi Công ty TNHH MTV kinh doanh XNK Việt Tú xin dự án thành công và được tính từ ngày Công ty TNHH MTV kinh doanh XNK Việt Tú ký kết hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

07. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	261.182.174	-	96.589.786	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	91.504.472.755	-	83.253.483.616	-
- Thành phẩm	12.183.140.881	-	12.183.140.881	-
- Hàng hoá	6.301.717.027	-	31.040.333.834	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	110.250.512.837	-	126.573.548.117	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản	1.249.748.750	1.249.748.750
+ Công trình xây dựng đường lên mỏ và đường nội bộ	1.249.748.750	1.249.748.750
Cộng	1.249.748.750	1.249.748.750

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>51.535.051.394</i>	<i>3.245.454.545</i>	<i>41.544.364</i>	<i>54.822.050.303</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>51.535.051.394</i>	<i>3.245.454.545</i>	<i>41.544.364</i>	<i>54.822.050.303</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.358.900.028</i>	<i>12.048.568</i>	<i>40.390.350</i>	<i>4.411.338.946</i>
- Khấu hao trong kỳ	920.268.775	135.227.273	1.154.014	1.056.650.082
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>5.279.168.803</i>	<i>147.275.841</i>	<i>41.544.364</i>	<i>5.467.989.008</i>
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>47.176.151.366</i>	<i>3.233.405.977</i>	<i>1.154.014</i>	<i>50.410.711.357</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>46.255.882.591</i>	<i>3.098.178.704</i>	-	<i>49.354.061.295</i>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 0 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	20.670.000	-
- Chi phí thuê văn phòng	-	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	-
- Chi phí khác	20.670.000	-
b. Dài hạn	14.839.932	19.711.081
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.839.932	19.711.081
- Chi phí khác	-	-
- Chi phí bóc phủ mỏ khai thác	-	-
Cộng	35.509.932	19.711.081

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	65.210.000.000	65.210.000.000	14.227.000.000	7.478.118.776	64.558.881.224	64.558.881.224
- Vay ngân hàng	41.360.000.000	41.360.000.000	14.227.000.000	7.478.118.776	48.108.881.224	48.108.881.224
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Lào Cai ^(a)	16.360.000.000	16.360.000.000	5.100.000.000	7.400.452.776	14.059.547.224	14.059.547.224
+ Ngân hàng SHS CN Lào Cai	15.000.000.000	15.000.000.000			15.000.000.000	15.000.000.000
+ Ngân hàng MB -CN Lào Cai	10.000.000.000	10.000.000.000	9.127.000.000	77.666.000	19.049.334.000	19.049.334.000
- Vay đối tượng khác	23.850.000.000	23.850.000.000	4.600.000.000	12.000.000.000	16.450.000.000	16.450.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-				
Cộng	65.210.000.000	65.210.000.000			64.558.881.224	64.558.881.224

^(a) Khoản vay Ngân hàng thời hạn vay mỗi khế ước là 06 tháng. Lãi suất: 9,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

^(b) Các khoản vay cá nhân thời hạn vay 01 năm lãi suất 0%/năm được đảm bảo bằng tín chấp.

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn			48.314.297.856	48.314.297.856
- Công ty TNHH TM và DV Hà Trung	5.085.734.500	5.085.734.500	5.085.734.500	5.085.734.500
- Hợp tác xã Na Nang	27.312.120.000	27.312.120.000	9.187.120.000	9.187.120.000
- Công ty TNHH Đầu tư và vận tải Phú Hà	5.114.612.900	5.114.612.900	4.707.989.000	4.707.989.000
- Công ty CP khai thác và chế biến KS Lào Cai	3.607.200.000	3.607.200.000	3.607.200.000	3.607.200.000
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh XNK Việt Tú			19.250.000.000	19.250.000.000
- Công ty CP Máy và phụ tùng T&C			1.680.000.000	1.680.000.000
- Công ty TNHH Toàn Thắng	25.502.052.000	25.502.052.000		
- Công ty TNHH vận tải Đông A	6.082.625.562	6.082.625.562		
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	22.300.899.724	22.300.899.724	3.118.690.356	3.118.690.356
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	114.255.244.686	114.255.244.686	48.314.297.856	48.314.297.856

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	6.861.453.243	6.861.453.243	-	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	66.174.612	63.029.635	-	-	129.204.247
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	-	4.692.000.000	-	-	-	4.692.000.000
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	1.656.000.000	-	-	-	1.656.000.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	6.414.174.612	6.924.482.878	6.861.453.243	-	6.477.204.247

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	272.000.000	272.000.000
- Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài	272.000.000	272.000.000
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	272.000.000	272.000.000

15. Vốn chủ sở hữu*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	280.535.000.000	13.866.060.650	-	294.401.060.650
Tăng vốn trong năm trước	294.561.750.000	-	65.000.000.000	359.561.750.000
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	2.912.829.039	(74.036.071)	2.838.792.968
Tăng khác	-	-	640.295.423	640.295.423
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	575.096.750.000	16.778.889.689	65.566.259.352	657.441.899.041
Tăng vốn trong kỳ	-	974.388.231	92.007.255	1.066.395.486
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	575.096.750.000	17.753.277.920	65.658.266.607	658.508.294.527

(*): Phát hành Cổ phiếu để tăng vốn được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 20/6/2016. Mục đích của vốn thu được từ các đợt chào bán được dùng để mua cổ phần, góp vốn vào một số doanh nghiệp khác (theo tờ trình số 03/2016/TTr-HĐQT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng quản trị).

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
- Vốn góp của các cổ đông	575.096.750.000	100%	575.096.750.000	100%
Cộng	575.096.750.000	100%	575.096.750.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/03/2017 đến 31/03/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	575.096.750.000	280.535.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	575.096.750.000	280.535.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.509.675	28.053.500
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.509.675	28.053.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57.509.675	28.053.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.509.675	28.053.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57.509.675	28.053.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Doanh thu bán hàng hóa	115.043.682.446	3.545.454.546
Cộng	115.043.682.446	3.545.454.546

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán	108.821.554.271	3.474.545.453
Cộng	108.821.554.271	3.474.545.453

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	176.925.805	123.298.058
Cộng	176.925.805	123.298.058

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
- Lãi tiền vay	1.014.896.966	-
Cộng	1.014.896.966	-

05. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
--	---	---

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	63.029.635	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	63.029.635	-

Đơn vị tính: VND

06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	974.388.231	-58.839.604
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	974.388.231	-58.839.604
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57.509.675	28.053.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16,94	

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

07. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	974.388.231	-58.839.604
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	974.388.231	-58.839.604
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57.509.675	28.053.500
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16,94	0

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

**Từ 01/01/2018
đến 31/03/2018**

Ông Nguyễn Đức Thắng – Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Vay tiền (không tính lãi) -
- Trả tiền vay -

Bà Phạm Thị Quế – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty con

- Vay tiền (không tính lãi) -
- Trả tiền vay -

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Tiền lương	42.102.124	168.408.497
Cộng	42.102.124	168.408.497

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nông lâm nghiệp Thịnh Vượng	Là Công ty liên kết
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Gia Huy	Là Công ty liên kết
+ Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai	Là Công ty liên kết

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

**Từ 01/01/2018
đến 31/03/2018**

Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai

- Phải thu bán hàng hóa dịch vụ 12.212.455.750
- Thu lãi tiền vay -

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty CP Phân Lân Nung chảy Lào Cai</i>		
+ Lãi tiền vay phải thu Công ty Cổ phần Phân Lân Nung chảy Lào Cai	271.315.068	148.027.397
+ Phải thu về bán hàng hóa dịch vụ	10.412.455.750	
Cộng nợ phải thu	10.683.770.818	148.027.397

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: Bán bao PP, sản lát khô, quặng;
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- Lĩnh vực khai thác tài nguyên: Khai thác quặng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Khai thác tài nguyên	Cộng
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	111.162.526.155	3.881.156.291	-	115.043.682.446
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	110.147.012.618	3.767.244.707	-	113.914.257.325
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.015.513.537	113.911.584	-	1.129.425.121
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.021.002.524	35.647.538	-	1.056.650.062
Số dư tại ngày 31/03/2018				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	311.638.039.153	10.880.608.583	51.659.306.093	374.177.953.829
- Tài sản không phân bổ				
Tổng tài sản	311.638.039.153	10.880.608.583	51.659.306.093	374.177.953.829
- Nợ phải trả bộ phận	179.672.294.902	6.273.123.523	-	185.945.418.425
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	179.672.294.902	6.273.123.523	-	185.945.418.425

Khu vực địa lý:

Toàn bộ lĩnh vực hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Số 348 đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý I.2018 (tiếp theo)

04. Thông tin so sánh

Quý 1 năm 2017 Công ty không phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất, do vậy số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017.

05. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Lào Cai, ngày 25 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Hương Ly

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Đức Thắng